

NỘI DUNG ÔN TẬP VĂN 7 TỪ NGÀY 06/09/2021 ĐẾN NGÀY 18/09/2021 -NHÓM NGŨ VĂN 7

TIẾT 1. NỘI QUY LỚP HỌC ONLINE

Nắm rõ thời khoá biểu và thời gian học

Xem trước nội dung bài học và ôn tập kiến thức đã học ở lớp dưới

Sử dụng tên thật và mở camera, tắt mic khi học

Tôn trọng khi thầy cô đang nói

Không nói chuyện riêng, không làm việc riêng

Tích cực xây dựng bài, ghi bài đầy đủ

Khi muốn phát biểu hãy giơ tay và bật mic

TIẾT 2

A.Hướng dẫn phương pháp học tập bộ môn

I. Dụng cụ học tập tối thiểu

1. Sách giáo khoa
2. Vở ghi bài
3. Vở bài tập
4. Giấy Note
5. Hồ sơ học tập (nếu có)

II. Những điều cần lưu ý trong quá trình học tập bộ môn

1. Tập trung trong giờ học, mạnh dạn và sẵn sàng chia sẻ quan điểm, ý kiến cá nhân
2. Hoạt động tích cực, nhiệt tình và có trách nhiệm
3. Làm quen với các kỹ thuật, phương pháp dạy học tích cực
4. Soạn bài hoặc làm phiếu bài tập đầy đủ

III. Phương pháp học tập đối với từng phân môn

1. Đọc – hiểu

-Biết cách đọc nhanh,đọc sâu,tìm ý, tìm chi tiết,tóm tắt, đánh giá, suy luận

- Biết cách khai thác hiệu quả các biện pháp nghệ thuật
- Hiểu được thông điệp, bài học rút ra từ mỗi văn bản

2. Tiếng việt

- Nắm vững khái niệm, đặc điểm của từng đơn vị kiến thức
- Làm được các bài tập liên quan
- Vận dụng tốt để tạo lập văn bản

3. Tập làm văn

- Nhận diện được thể loại văn cần sáng tạo
- Nắm vững phương pháp làm bài tương ứng của từng thể loại
- Thuần thục trong cách xây dựng một dàn bài (xây dựng ý, hình thành ý..)
- Triển khai hiệu quả dàn ý thành một bài viết hoàn chỉnh
- Chỉnh sửa bài viết sau khi đã hoàn thành

B. Hướng dẫn làm quen với phương pháp học tập tích cực.

1. Kỹ thuật khăn trải bàn

- Cách tiến hành

HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 người. Mỗi nhóm sẽ có một tờ giấy khổ lớn.

HS chia tờ giấy thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm.

Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh.

Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định.

Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của “khăn trải bàn”.

Lưu ý: Trong trường hợp không có giấy khổ lớn, HS làm phần của cá nhân vào vở của mình và thống nhất phần thảo luận chung ghi vào 1 tờ giấy A4. Như vậy, quan trọng là HS được làm việc cá nhân và sau đó có phần trao đổi, thảo luận thống nhất ý kiến chung.

2. Kỹ thuật sơ đồ tư duy

*** Chuẩn bị**

Đối với sơ đồ tư duy trên giấy: bút lông (nếu có 5 màu là tốt nhất), giấy khổ lớn, keo dính... Tuy nhiên, nếu không có bút lông và giấy khổ lớn, GV cũng có thể cho HS vẽ bằng bút bi thường trong trang vở

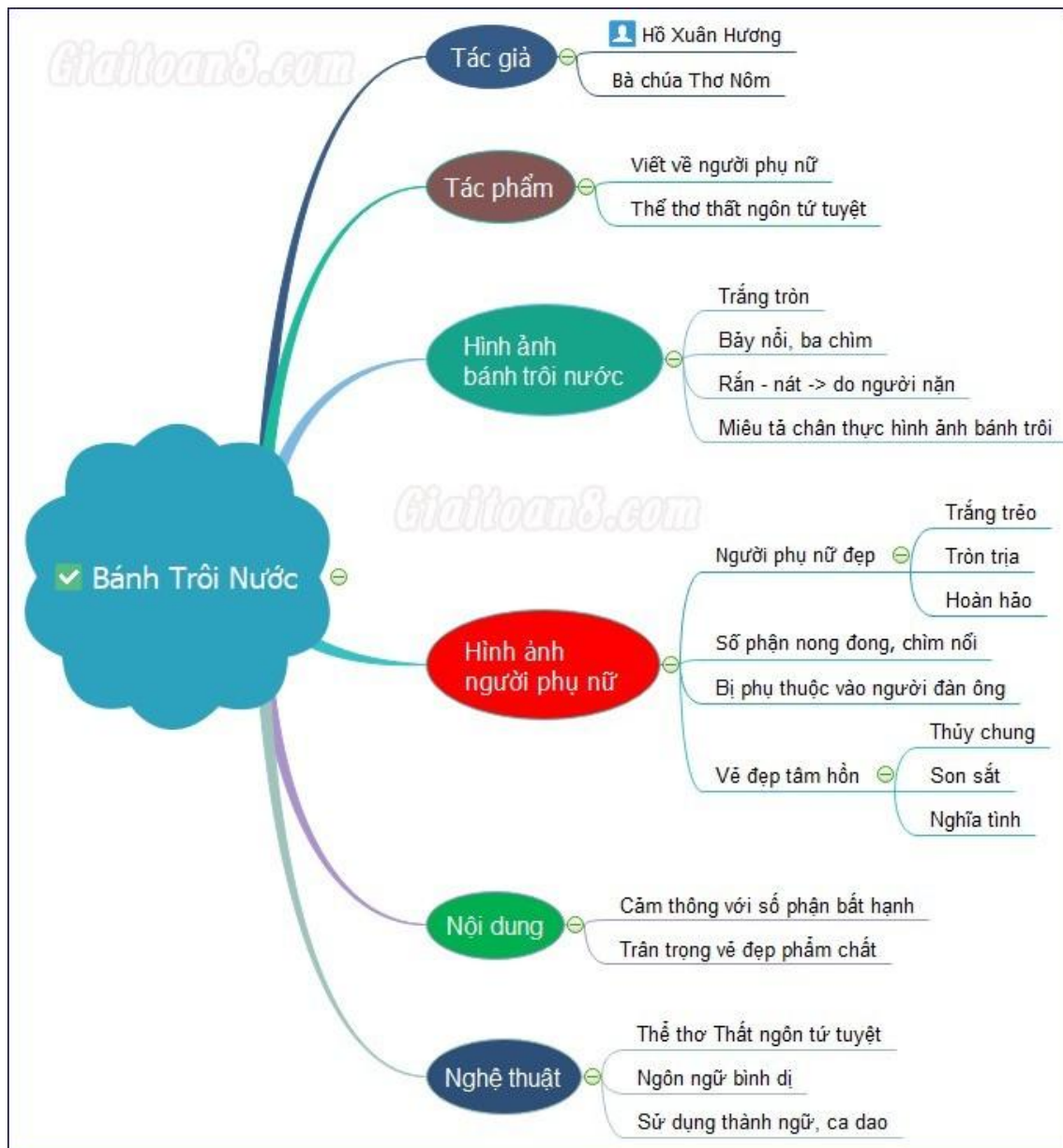
*** Cách tiến hành**

Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.

Vẽ các nhánh chính từ chủ đề trung tâm. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề. Nên sử dụng từ khoá và viết bằng chữ in hoa. Có thể dùng các biểu tượng để mô tả thuật ngữ, từ khoá để gây hiệu ứng chú ý và ghi nhớ.

Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ, viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.

Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo cho đến hết.



TIẾT 3 ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

I. Củng cố và mở rộng kiến thức

1. Biện pháp tu từ là những cách dùng từ ngữ gọt giũa, có hình ảnh thẩm mỹ, bóng bẩy; làm cho lời hay, ý đẹp, có sức biểu cảm cao, nâng hiệu quả diễn đạt.
2. Tiếng Việt có nhiều biện pháp tu từ, trong chương trình tiếng Việt lớp 6, yêu cầu HS nắm được bốn biện pháp tu từ sau:

a) So sánh:

- Khái niệm: so sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng.
- Mô hình cấu tạo đầy đủ của phép so sánh gồm:
 - + Vế A nêu tên sự vật, sự việc được so sánh.
 - + Vế B nêu tên sự vật, sự việc dùng để so sánh với sự vật, sự việc nói ở vế A.
 - + Từ ngữ chỉ phương diện so sánh.

+ Từ so sánh.

Ví dụ: Quê hương/ ngọt ngào/ như /dòng sữa mẹ.

+ Quê hương : A

+ ngọt ngào: PDSS

+ như: TSS

+ dòng sữa mẹ: B

Lưu ý: Trong thực tế, mô hình câu tạo trên có thể biến đổi ít nhiều:

– Các từ chỉ phương diện so sánh và từ so sánh có thể được lược bớt.

– Vế B có thể được đảo lên trước vế A cùng với từ so sánh.

Ví dụ: Trường Sơn/: chí lớn ông cha.

(Lê Anh Xuân)

+ Trường Sơn: B

+ chí lớn ông cha: A

– Các kiểu so sánh: dựa vào các từ so sánh, ta phân biệt hai kiểu:

+ So sánh ngang bằng: như, như là, giống,...

Ví dụ:

*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Toả nắng xuống dòng sông lấp lánh.*

(Tế Hanh)

+ So sánh không ngang bằng: hơn, không như,...

Ví dụ:

*Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng.*

(Minh Huệ)

– Tác dụng của phép so sánh làm cho cách diễn đạt sinh động, gợi hình, có giá trị biểu cảm cao, gợi tả cụ thể, chi tiết đặc điểm của sự vật, có tác dụng biểu hiện tư tưởng tình cảm sâu sắc.

b) Nhân hoá

– Khái niệm: nhân hoá là gọi hoặc tả cây cối, con vật, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người.

– Có ba kiểu nhân hoá thường gặp:

+ Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật.

Ví dụ: *Từ đó lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.*

(Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)

+ Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động, tính chất của vật.

Ví dụ: *Đọc sông, những chòm cỏ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước.*

(Võ Quảng)

+ Trò chuyện, xưng hô với vật như với người.

Ví dụ:

*Trâu ơi, ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.*

(Ca dao)

– Tác dụng của phép nhân hoá làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,... trở nên gần gũi với con người, làm cho cách diễn đạt sinh động, có giá trị biểu cảm cao. Cảnh vật, sự vật vô tri vô giác được nhân hoá trở nên gần gũi, thân thiết, có tâm hồn,...

c) Ẩn dụ

– Khái niệm: ẩn dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.

– Tác dụng của phép ẩn dụ làm cho cách diễn đạt sinh động, có giá trị biểu cảm cao. Làm tăng tính biểu cảm, tính hình tượng.

d) Hoán dụ

– Khái niệm: Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó.

II. Luyện tập

Câu 1: Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì, sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời **Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa.** Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi. Chúng tôi leo dốc lên đèo Cô Tô (...) ngắm toàn cảnh đảo Cô Tô. Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng để ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây...*

(Nguyễn Tuân, *Cô Tô*)

a. Trong đoạn văn tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ nào?

b. Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

Câu 2. Trong những ví dụ sau, đâu là ẩn dụ, đâu là hoán dụ?

a. Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

(Viễn Phương)

b) Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

(Phạm Tiến Duật)

c) Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

(Huy Cận)

d) Vì sao Trái đất nặng ân tình

Nhắc mãi tên Người: Hồ Chí Minh.

(Tố Hữu)

e) dài lâu ngê như một gã nghiện thuốc phiện.

(Bài học đường đời đầu tiên-Tô Hoài)

TIẾT 4,5: ÔN TẬP VĂN MIÊU TẢ VÀ VĂN TỰ SỰ

A. VĂN TỰ SỰ:

I. Thế nào là văn tự sự?

- Tự sự (kể chuyện) là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc thể hiện một ý nghĩa.

- Tự sự giúp người kể giải thích sự việc, tìm hiểu con người, nêu vấn đề và bày tỏ thái độ khen, chê.

1. Sự việc trong văn tự sự:

- Được trình bày một cách cụ thể: sự việc xảy ra trong thời gian, địa điểm cụ thể; do nhân vật cụ thể thực hiện, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả,...

- Sự việc trong văn tự sự được sắp xếp theo một trật tự, diễn biến sao cho thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt.

2. Nhân vật trong văn tự sự:

- Là kẻ thực hiện các sự việc và là kẻ được thể hiện trong văn bản

- Nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu trong việc thực hiện tư tưởng của văn bản.

- Nhân vật phụ chỉ giúp nhân vật chính hoạt động.

- Nhân vật được thể hiện qua các mặt: tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm,...

3 Chủ đề

Là vấn đề chủ yếu, là ý chính mà người viết muốn nêu ra trong văn bản.

4. Dàn bài của bài văn tự sự: thường có 3 phần:

- **Mở bài**: giới thiệu chung về nhân vật và sự việc.

- **Thân bài**: kể lại diễn biến của sự việc.

- **Kết bài**: kể kết thúc của sự việc.

5. Đoạn văn:

Là một phần của bài văn được biểu hiện bằng dấu chấm xuống dòng, viết hoa đầu dòng, diễn đạt một ý lớn của văn bản, có một câu chủ đề. Các câu còn lại làm sáng tỏ vấn đề.

6. Lời kể: thường kể người và kể việc

- **Kể người:** giới thiệu tên họ, kể lai lịch, tính tình, tài năng, quan hệ, ý nghĩ của nhân vật.

- **Kể việc:** kể hành động, việc làm và kết quả do hành động gây ra.

7. Ngôi kể:

- Ngôi kể thứ nhất: người kể xưng tôi.

- Ngôi kể thứ ba: người kể giấu mình, gọi sự vật bằng tên của chúng, kể như “người ta kể”.

8. Thứ tự kể: Là trình tự kể các sự việc, bao gồm kể “xuôi” và kể “ngược”

*** Kể truyện tưởng tượng:**

- Là những truyện do người kể nghĩ ra bằng trí tưởng tượng của mình, không có sẵn trong thực tế hay có trong sách vở.

- Truyện thường mang một ý nghĩa nào đó.

*** Nội dung kiểu bài văn tự sự đã học:** có 3 nội dung:

- Kể chuyện dân gian.

- Kể chuyện sinh hoạt đời thường.

- Kể chuyện tưởng tượng.

*** Vai trò của tưởng tượng trong văn tự sự:**

Được kể ra một phần dựa vào những điều có thật, có ý nghĩa rồi tưởng tượng thêm cho thú vị và làm cho ý nghĩa thêm nổi bật.

DÀN Ý:

<u>A. Kể lại một truyện đã biết (truyền thuyết, cổ tích) bằng lời văn của em.</u>	<u>B. Kể về những đổi mới ở quê hương em (có điện, có đường, có trường mới, cây trồng,...)</u>
I. <u>MB:</u> Vua Hùng kén rể.	I. <u>MB:</u> Giới thiệu chung tình cảm đối
II. <u>TB:</u>	

<ul style="list-style-type: none"> - Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn. - Vua Hùng ra điều kiện kén rể. - Sơn Tinh đến trước cưới được vợ. - Thủy Tinh đến sau, không cưới được vợ, tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh. - Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua đành rút quân về. <p>III. <u>KB</u>: Hằng năm, Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều bị thua.</p>	<p>với quê hương, cảm nhận về sự đổi mới ở quê hương em.</p> <p>II. <u>TB</u> :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể chi tiết các sự việc đổi mới theo thứ tự với hình ảnh, màu sắc, âm thanh,... + Đường phố (nhựa, bê tông ...) sạch sẽ + Cầu (mới xây thay cho cầu cũ ...) + Nhà cửa (san sát, nhiều biệt thự, nhà đẹp ...) + Trường học: sạch, đẹp, đủ các cấp học,... + Chợ búa đông đúc, rộng rãi, nhiều mặt hàng,... <p>- Suy nghĩ về sự đổi mới</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nguyên nhân + Niềm tự hào, trân trọng, biết ơn <p>III. <u>KB</u> : Nêu cảm xúc, nhiệm vụ của bản thân ...</p>
<p><u>C. Kể một tấm gương tốt trong việc giúp đỡ bạn bè mà em biết.</u></p> <p>I. <u>MB</u> : Giới thiệu bạn (tên gì, trong trường học nào, học lớp mấy?)</p> <p>II. <u>TB</u> : VD</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong lớp, có một bạn gia đình gặp nhiều khó khăn, bạn lại tật nguyền, rất khó khăn trong việc đến lớp. - Bạn ... giúp bạn đến lớp, không ngại khó khăn trong những ngày mưa gió,... hết lòng giúp bạn học tập. - Thầy cô và các bạn đều rất cảm phục và ngợi khen. 	<p><u>D. Kể một câu chuyện của bản thân.</u></p> <p>I. <u>MB</u> : Câu chuyện của bản thân là câu chuyện gì., xảy ra ở đâu, khi nào? Nêu ấn tượng chung.</p> <p>II. <u>TB</u> : Kể diễn biến câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự việc bắt đầu - Sự việc tiếp diễn - Sự việc cao trào (thắt nút) - Sự việc kết thúc <p>III. <u>KB</u>: Câu chuyện có ý nghĩa như thế nào đối với em? Với mọi người xung quanh?</p>

<p>III. KB : Cảm nghĩ về việc làm tốt của bạn Minh.</p>	
<p><u>Đ. Kể lại một giấc mơ em gặp Thánh Gióng và đã nhận được lời khuyên của ngài.</u></p> <p>I. MB : Giới thiệu hoàn cảnh gặp Thánh Gióng.</p> <p>II. TB : - Cuộc trò chuyện với Thánh Gióng.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lên ba tuổi không biết nói, cười. + Nghe tiếng sứ giả, cậu bé bỗng cất tiếng nói và xin đi đánh giặc. + Gióng lớn nhanh như thổi. + Roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt được đem đến, Gióng trở thành tráng sĩ, đánh tan giặc. <p>- Lời khuyên của Thánh Gióng : ăn khỏe, học giỏi, năng tập thể dục, tham gia thể thao,...</p> <p>III. KB : Suy nghĩ về hình ảnh Thánh Gióng và giấc mơ kì diệu.</p>	

B.VĂN MIÊU TẢ

I. Thế nào là văn miêu tả

Văn miêu tả là loại văn giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cảnh.... làm cho đối tượng miêu tả như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe. Những năng lực cần có khi làm văn miêu tả:

- Quan sát: Nhìn nhận, xem xét sự vật.
- Nhận xét liên tưởng hình dung về sự vật đặt trong tương quan các sự vật xung quanh.
- Ví von so sánh: Thể hiện sự liên tưởng độc đáo riêng của người viết hình dung, cảm nhận về sự vật, hiện tượng miêu tả.

II. Các dạng văn miêu tả ở lớp 6:

Ở tiểu học, các em đã làm quen với văn bản miêu tả, lớp 6 học nâng cao hơn nên đòi hỏi các em có kĩ năng miêu tả tinh tế trong từng dạng bài. Cụ thể như sau:

1. Tả cảnh

* Tả cảnh là gợi tả những bức tranh về thiên nhiên hay cảnh sinh hoạt gợi ra trước mắt người đọc về đặc điểm từng nét riêng của cảnh.

* Yêu cầu tả cảnh:

Xác định đối tượng miêu tả: cảnh nào? ở đâu? Vào thời điểm nào?

Quan sát lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu.

Trình bày những điều quan sát được theo một thứ tự.

* **Bố cục bài văn tả cảnh:**

- Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả.

- Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự nhất định, có thể ở một số trường hợp sau:

+Từ khái quát đến cụ thể (hoặc ngược lại)

+Không gian từ trong ra ngoài. (hoặc ngược lại)

+Không gian từ trên xuống dưới. (hoặc ngược lại)

- Kết bài: phát biểu cảm tưởng về cảnh vật đó.

2. Tả người

* Tả người là gọi tả về các nét ngoại hình, tính cách, hành động, lời nói.... của nhân vật được miêu tả.

* Phân biệt đối tượng miêu tả theo yêu cầu:

Tả chân dung nhân vật (cần tả nhiều về ngoại hình, tính nết...)

Tả người trong tư thế làm việc (tả người trong hành động: chú ý các chi tiết thể hiện cử chỉ, trạng thái cảm xúc)

* Cách miêu tả:

- Mở bài: Giới thiệu người được tả (chú ý đến mối quan hệ của người viết với nhân vật được tả, tên, giới tính và ấn tượng chung về người đó)

- Thân bài:

Miêu tả khái quát hình dáng, tuổi tác, nghề nghiệp...

Tả chi tiết: Ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói... (chú ý tả người trong công việc cần quan sát tinh tế vào các động tác của từng bộ: khuôn mặt thay đổi, trạng thái cảm xúc, ánh mắt...). Ví dụ: *Dương Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ.*

Thông qua tả để khơi gợi tính cách nhân vật: Qua tả các chi tiết người đọc có thể cảm nhận được tính cách của đối tượng và thái độ của người miêu tả đối với đối tượng đó.

- Kết bài: Nhận xét hoặc nêu cảm nghĩ của người viết về người được miêu tả.

3. Miêu tả sáng tạo

* Yêu cầu khi miêu tả:

- Tả cảnh: Phải bám vào một số nét thực của đời sống. Ví dụ khi tả một phiên chợ trong tưởng tượng của em cần dựa trên những đặc điểm thường xảy ra của cảnh đó làm cơ sở tưởng tượng như:

Không khí của cảnh, số lượng người với những lứa tuổi tầng lớp nào?

Chợ diễn ra ở địa điểm nào?

Thời tiết khí hậu ra sao?....

Những cơ sở đó là thực tế để tưởng tượng theo ý định của mình.

- Tả người trong tưởng tượng: Nhân vật thường là những người có đặc điểm khác biệt với người thường như các nhân vật ông Tiên, ông Bụt trong cổ tích hay một người anh hùng trong truyền thuyết....Cần dựa vào đặc điểm có tính bản chất để tưởng tượng những nét ngoại hình cho phù hợp, tạo sự hấp dẫn

Lưu ý: Dù miêu tả theo cách nào và đối tượng nào cũng cần chú ý vận dụng ví von so sánh để bài văn miêu tả có nét độc đáo mang tính cá nhân rõ.

III. Cách làm một bài văn miêu tả

1. Trong văn miêu tả, năng lực quan sát của người viết, người nói thường bộc lộ rõ nhất.

Muốn làm văn tả cảnh, người viết cần phải:

- Xác định được đối tượng miêu tả;
- Quan sát, lựa chọn được những hình ảnh tiêu biểu;
- Trình bày những điểm quan sát được theo một thứ tự.

2. Bố cục của một bài văn tả cảnh thường có ba phần:

- Mở bài: Giới thiệu cảnh được tả;
- Thân bài: Tập trung tả cảnh vật chi tiết theo một thứ tự;
- Kết bài: Thường phát biểu cảm tưởng về cảnh vật miêu tả.

3. Cần chú ý chi tiết khi miêu tả.

a) Về cảnh mùa đông, có thể nêu những đặc điểm

- Bầu trời âm u, nhiều mây.
- Gió lạnh, có thể có mưa phùn.
- Cây cối rụng lá chơ cành.
- Chim chóc bay đi tránh rét.
- Trong nhà, người ta đốt lửa sưởi.

b) Về khuôn mặt mẹ có thể chú ý tới các đặc điểm

- Hình dáng khuôn mặt (tròn, trái xoan...).
- Vàng trán.
- Tóc ôm khuôn mặt hai được búi lên?
- Đôi mắt, miệng
- Nước da, vẻ hiền hậu, tươi tắn...

c) Tả một em bé chừng 4 - 5 tuổi:

- Mắt đen tròn ngây thơ;
- Môi đỏ như son;
- Chân tay mũm mĩm;
- Miệng cười toe toét;
- Nước da trắng mịn;

- Nói bập bẹ...

d) Tả một cụ già:

- Tóc trắng da môi;
- Cặp mắt tinh anh;
- Dáng vẻ chậm chạp hoặc nhanh nhẹn;
- Giọng nói trầm âm...
- Cô giáo đang say sưa giảng bài trên lớp: giọng nói trong trẻo, cử chỉ âu yếm ân cần, đôi mắt lấp lánh khích lệ...

4. Cần chú ý thứ tự khi miêu tả.

a) Tả quang cảnh lớp học trong giờ viết bài tập làm văn:

- Có thể theo thời gian: Trông vào lớp. Cô giáo (thầy giáo) cho chép đề. Các bạn bắt tay vào làm bài. Kết thúc buổi làm bài, thu, nộp bài cho thầy, cô.
- Có thể theo không gian: Bên ngoài lớp. Trên bảng, cô (thầy) ngồi trên bàn giáo viên. Các bạn trong lớp bắt tay vào làm bài. Không khí cả lớp và tinh thần thái độ làm bài của bạn ngồi cạnh người viết (hay chính bản thân người viết).

b) Tả sân trường giờ ra chơi:

* Miêu tả theo không gian:

- Từ xa tới gần.
- Miêu tả theo thời gian trước, trong và sau khi ra chơi.

Cũng có thể có một cách thứ ba là kết hợp cả không gian và thời gian (Cách này khó và phức tạp hơn). Trước hết, em hay chọn trật tự miêu tả. Sau đó chọn cảnh sân trường giờ ra chơi để viết thành đoạn văn.

* Miêu tả theo thứ tự thời gian:

- Sân trường vắng lặng trong giờ học.
- Hiệu lệnh trống ra chơi, mọi người ùa ra.
- Có tốp chơi đá cầu, nhảy dây, đá bóng, có tốp chỉ đứng xem, hoặc tranh cãi nhau về điều gì đó.
- Có thể tả màu sắc quần áo, những tiếng cười nói, hò reo và một vài bạn chơi tích cực nhất.

Tiết 6. HƯỚNG DẪN ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN

Trả lời trọng tâm, ngắn gọn, rõ ràng

- Cấp độ nhận biết : liên quan đến tiếng Việt.
- Cấp độ thông hiểu: Xác định được nội dung, chủ đề, thông điệp, hiểu được tác dụng của các biện pháp tu từ.

- Cấp độ vận dụng: Sử dụng thông tin trong hoặc ngoài đoạn trích để giải quyết các vấn đề hoặc tình huống được đặt ra trong văn bản.

- Bài tỏ quan điểm của mình.

Bài tập

1. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng rể thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giòn. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hãnh diện với bà con vì cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu”

a. Đoạn văn trích trong văn bản nào? Văn bản ấy thuộc tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b. Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được?

c. Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của ngôi kể ấy?

d. Liệt kê các phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn và nêu tác dụng?

e. Đoạn văn đề cập tới vẻ đẹp ngoại hình của Dế Mèn, có ý kiến cho rằng: “Dế Mèn có vẻ đẹp của một thanh niên cường tráng”. Em có đồng ý với ý kiến đó không, hãy chứng minh.

2. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!”

(Ngữ văn 6 - tập 2)

a. Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

b. Qua đoạn trích tác giả đã ca ngợi những phẩm chất đáng quý nào của cây tre?

c. Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên? Tác dụng của phép tu từ đó?

d. Xác định thành phần chủ ngữ, vị ngữ trong câu: "Tre là cánh tay của người nông dân". Em hãy cho biết đó là kiểu câu gì?

3. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lẩn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ

(Ngữ Văn 6- tập 2)

a. Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

b. Nêu nội dung đoạn trích trên?

c. Tìm các câu văn có sử dụng phép tu từ so sánh? Xác định kiểu so sánh trong các câu văn vừa tìm?

CHÚC CÁC EM HỌC TỐT

